TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 –QUẢNG NINH
Bản án số:12/2025/DS-ST
Ngày: 23/09/2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
- *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Anh Đức.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Vũ Thị Xuyến và ông Nguyễn Văn Quyến.
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Quảng Ninh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 -Quảng Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Quảng Ninh, Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2025/TLST - DS ngày 06/06/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-_DS ngày 20/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/ QĐST-DS ngày 08/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn : Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7

Trụ sở: Tầng 2 căn nhà lô A9/D5 khu đô thị mới Cầu G, phường Cầu G, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Hải Yến; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh Tuấn; chức vụ: Giám đốc chi nhánh M7 Uông Bí.

Địa chỉ liên hệ: tầng 5 tòa nhà Sông Sinh, khu Quang Trung 12, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn : Anh Nguyễn Đặng H, sinh năm: 1982 và chị Phạm Thị H1, sinh năm: 1987; địa chỉ: Tổ 2, khu Bí Tr, phường Y, tỉnh Quảng Ninh.Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, đại diện tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 là ông Trần Thanh Tuấn trình bày:

Anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 có vay vốn tại Tổ chức tài chính vi

mô TNHH M7 theo Hợp đồng tín dụng sau đây:

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số: 000003993/HĐTD-M7-MF1 ngày 06/7/2023 và Khế ước nhận nợ lần ngày 06/7/2023, cụ thể như sau:

+ Số tiền vay vốn: 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng)*.

+ Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày kí hợp đồng 06/7/2023;

+ Lãi suất cho vay, phương thức điều chỉnh lãi suất; các kỳ hạn trả nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký kết.

Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 đã trả được cho Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 tổng số tiền tính đến ngày 23/9/2025 là 33.145.000đ (ba mươi ba triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) trong đó trả nợ gốc là 29.465.000 đồng, trả lãi là 3.680.000 đồng. Sau đó anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 trong quá trình thực hiện Hợp đồng đã không thực hiện được đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo quy định cho Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 từ ngày 15/02/2024 và không có ý định trả nợ. Tính đến ngày 23/9/2025 anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 còn nợ Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 tổng số tiền là 28.364.210đ (*hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm mười đồng*) bao gồm nợ gốc là 20.535.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 2.304.000 đồng, lãi quá hạn là 5.203.982 đồng, phạt chậm trả lãi là 321.228 đồng.

Tổ chức tài chính vi mô đề nghị các nội dung sau:

a) Đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 phải thanh toán cho Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ nêu trên.

b) Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 thực tế thanh toán hết nợ cho Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1, quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Quảng Ninh nhiều lần tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và giao các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 mặc dù nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đã không đến Tào án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 cũng như không đưa ra yêu cầu phản tố. Do đó Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Quảng Ninh tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng trên tại Khu Bí Trung 1 và Ủy ban nhân dân phường Yên Tử , tỉnh Quảng Ninh, nơi bị đơn cư trú theo quy định của pháp luật. Tòa nhân dân Khu vực 2 -Quảng Ninh nhiều lần tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời cũng niêm yết Thông báo kết quả phiên họp nêu trên. Do bị đơn không thiện chí hợp tác nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được và phải đưa ra xét xử.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

Qua các tài liệu xác minh xét thấy:

- Về hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 với anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 được ký kết tự nguyện, không trái pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, phía Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 đã thực hiện đúng thỏa thuận. Đối với bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của hợp đồng và theo quy định tại các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng, các Điều 422, 463, 466 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng toàn bộ nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 23/9/2025 tổng số tiền anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 còn nợ Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 là 28.364.210đ (*hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm mười đồng*) bao gồm nợ gốc là 20.535.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 2.304.000 đồng, lãi quá hạn là 5.203.982 đồng, phạt chậm trả lãi là 321.228 đồng. Tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 thanh toán hết nợ cho Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 có địa chỉ tổ 2, khu Bí Trung 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ 2, khu Bí Trung 1, phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh), theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo loại việc thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Quảng Ninh.

Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1, theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự phải có nghĩa vụ tôn trọng Tòa án, phải có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành Quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Như vậy việc bị đơn không đến Tòa án làm việc được coi là đã từ bỏ quyền lợi của mình về

việc được nêu quan điểm, ý kiến và cung cấp chứng cứ chứng minh. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án chỉ căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu mà Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Về sự có mặt của đương sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Quảng Ninh vẫn tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 trả số tiền nợ gốc tính đến ngày 23/9/2025 là 20.535.000đ (*hai mươi triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

Hội đồng xét xử thấy rằng, theo Hợp đồng tín dụng số: 000003993/HĐTD-M7-MF1 và Khế ước nhận nợ lần ngày 06/7/2023, được ký kết giữa Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 với anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 thì Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 đã giải ngân cho anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 theo đúng quy định pháp luật với tổng số tiền vay là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 đã trả được một phần nợ gốc, lãi và đến ngày 15/02/2024 thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Cụ thể đến hạn thanh toán nợ gốc, lãi nhưng bị đơn vẫn không thanh toán cho nguyên đơn nên đã phát sinh nợ quá hạn. Xét thấy, việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, văn bản sửa đổi bổ sung và các giấy nhận nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc tính đến ngày 23/9/2025 với số tiền nợ gốc là 20.535.000đ (*hai mươi triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên HĐXX chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi trên tiền vốn gốc còn nợ tính đến ngày 23/9/2025:

Hội đồng xét xử thấy rằng, Hợp đồng tín dụng số 000003993/HĐTD-M7-MF1 & Khế ước nhận nợ lần ngày 06/7/2023 được ký kết giữa 06/7/2023 giữa Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 với anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 thì các bên thỏa thuận lãi suất là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất vay, phạt chậm trả là 10%/năm. Xét thấy, theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*" và hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nên đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi suất theo

mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Do đó, tiền lãi tính đến ngày 23/9/2025 do nguyên đơn cung cấp cụ thể như sau: Tổng số tiền lãi + phạt là 7.829.210đ (*bảy triệu tám trăm hai mươi chín nghìn hai trăm mười đồng*) (bao gồm tiền lãi trong hạn: 2.304.000 đồng, lãi quá hạn là 5.203.982 đồng và phạt chậm trả lãi 321.228 đồng) là phù hợp nên HĐXX buộc bị đơn trả số lãi nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, cần buộc anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh. Tổng số tiền tính đến ngày 23/9/2025 là 28.364.210đ (*hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm mười đồng*).

Theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019. Kể từ ngày 24/9/2025 anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền phải thanh toán trả cho Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7, theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[3] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên *:*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 277; khoản 3 Điều 228; Điều 226; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQQ – HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tổ chức tài chính vi mô TNHH M7.

Buộc anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 phải thanh toán trả cho Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 tổng số tiền là: 28.364.210đ (*hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm mười đồng)*. Trong đó nợ gốc là 20.535.000đ (*hai mươi triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng*), tiền lãi + phạt chậm trả lãi là 7.829.210đ (*bảy triệu tám trăm hai mươi chín nghìn hai trăm mười đồng*) (bao gồm tiền lãi trong hạn: 2.304.000 đồng, lãi quá hạn là 5.203.982 đồng và phạt chậm trả lãi là 321.228 đồng)

2. Kể từ ngày 24/9/2025 cho đến khi thi hành án xong anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký, nhưng phải phù hợp với

quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 phải chịu 1.418.000đ (*một triệu bốn trăm mười tám nghìn đồng*) (làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 số tiền 570.000đ (*năm trăm bảy mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002955 ngày 02/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 -Quảng Ninh) .

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 có đơn yêu cầu Thi hành án mà anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7 thì anh Nguyễn Đặng H và chị Phạm Thị H1 phải chịu thêm khoản tiền lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Anh Đức

Nơi nhận
- *Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Viện KSND Khu vực 2-Quảng Ninh;*
- *THADS tỉnh Quảng Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*